TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 66/2023/DS-ST
Ngày 11-7-2023
V/v tranh chấp Đòi tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê văn Thưởng;

Ông Nguyễn Tấn Phúc;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Chung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý: 71/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2023 về việc: "Tranh chấp Đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1965. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Ông Phạm Văn V, sinh năm 1962

Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn V: Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1988. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã M, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 02/02/2023 trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Phạm Thị Đ trình bày:

Vào ngày 08/01/2021 bà có khởi kiện ông Phạm Văn V tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phước về tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất do mẹ bà là bà Nguyễn Thị B để lại.

Quá trình giải quyết vụ án đến ngày 11/3/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước bà cùng những nguyên đơn khác và ông Phạm Văn V đã lập văn bản thỏa thuận chia tài sản thừa kế như sau:

1. Phần đất ruộng do mẹ, ngoại chúng tôi là bà Nguyễn Thị B chết để lại có số thửa 1975, tờ bản đồ PMC2, diện tích 3.884m^2, diện tích thực đo 3.718,1m^2, loại đất 2L, tọa lạc tại ấp H, xã M, huyện T, Tiền Giang hiện do bà Nguyễn Thị B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân huyện Tân Phước cấp ngày 10/12/1997 là tài sản thừa kế.

2. Ông Phạm Văn V không yêu cầu chia phần đất này và đồng ý giao cho 4 nguyên đơn để chia đều thành 04 phần bằng nhau gồm:

2.1. Bà Phạm Thị L 929,5m^2.

2.2. Bà Phạm Thị Đ 929,5m^2.

2.3. Bà Phạm Thị T 929,5m^2.

2.4. Ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Minh K, chị Nguyễn Thị Tuyết M, anh Nguyễn Minh S và chị Nguyễn Thị Thu B 929,5m^2.

Vị trí đất được chia do các bên tự thỏa thuận khi chia trên thực địa.

3.

3.1. Bà Phạm Thị L có nghĩa vụ giao trả cho ông Phạm Văn V số tiền 75.000.000 đồng.

3.2. Bà Phạm Thị Đ có nghĩa vụ giao trả cho ông Phạm Văn V số tiền 75.000.000 đồng.

3.3. Bà Phạm Thị T có nghĩa vụ giao trả cho ông Phạm Văn V số tiền 75.000.000 đồng.

3.4. Ông Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Minh K, chị Nguyễn Thị Tuyết M, anh Nguyễn Minh S và chị Nguyễn Thị Thu B có nghĩa vụ giao trả cho ông Phạm Văn V số tiền 75.000.000 đồng.

Việc giao tiền do các bên tự thực hiện và làm giấy giao nhận với nhau.

4. Các nguyên đơn có quyền liên hệ với cơ quan quản lý đất đai của huyện, tỉnh và Ủy ban nhân dân xã Phú Mỹ để thực hiện việc đo đạc phân chia và làm thủ tục cho các nguyên đơn làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Ông Phạm Văn V có nghĩa vụ ký hồ sơ khi lập thủ tục cho các nguyên đơn làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phân chia tài sản.

Sau khi lập biên bản thỏa thuận như trên, các nguyên đơn đã rút đơn khởi kiện và bà đã trực tiếp giao cho ông Phạm Văn V số tiền là 75.000.000 đồng. Ông Phạm Văn V đã nhận tại trụ sở Tòa án với sự chứng kiến của thẩm phán giải quyết vụ án.

Tuy nhiên, do ông Phạm Văn V phải thi hành án cho anh Phan Văn Việt, sinh năm 1959, địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện T, tỉnh tiền Giang với số tiền hơn 1 tỷ đồng. Sau khi nhận tiền từ bà và những nguyên đơn khác ông Phạm Văn V không thi hành án cho anh Phan Văn Việt nên anh Phan Văn Việt khiếu nại, từ đó bà không thi hành chia tài sản theo thỏa thuận được nên phải làm đơn khởi kiện chia thừa kế lại.

Tại bản án số 06/2023/DS-ST ngày 13/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước đã xét xử chia cho bà phần đất diện tích 919,2m^2, đồng thời buộc bà có nghĩa vụ giao trả cho ông Phạm Văn V số tiền 75.000.000 đồng và phải giao nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước.

Như vậy, với 01 kỷ phần thừa kế mà bà phải giao cho ông Phạm Văn V 02 lần tiền (mỗi lần 75.000.000 đồng). Trong khi đó, lần đầu tiên ông Phạm Văn V lại không thi hành án mà lấy tiêu xài cá nhân nên dẫn đến bà không thể thi hành chia tài sản theo thỏa thuận được. Như vậy là thiệt thòi cho quyền lợi của bà.

Nay bà yêu cầu ông Phạm Văn V phải trả cho bà số tiền 75.000.000 đồng, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

- Tại biên bản hòa giải ngày 22/5/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Phạm Thị Thu H là đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm Văn V trình bày: Bà thống nhất theo lời trình bày của bà Phạm Thị Đ, bà thừa nhận ông Phạm Văn V có nhận của bà Phạm Thị Đ số tiền 75.000.000 đồng, nay ông Phạm Văn V đồng ý trả cho bà Phạm Thị Đ số tiền 75.000.000 đồng, nhưng xin trả dần mỗi tháng 50.000 đồng do hoàn cảnh kinh tế quá khó

khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Phạm Văn V cư trú: Ấp H, xã M, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Do đó, tranh chấp Đòi tài sản giữa bà Phạm Thị Đ và ông Phạm Văn V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Đ về việc buộc ông Phạm Văn V phải trả số tiền 75.000.000 đồng là có căn cứ. Bởi lẽ, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Phạm Thị Thu H là đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm Văn V thừa nhận ông Phạm Văn V có nhận của bà Phạm Thị Đ số tiền 75.000.000 đồng, nay ông Phạm Văn V đồng ý trả cho bà Phạm Thị Đ số tiền 75.000.000 đồng, nhưng xin trả dần mỗi tháng 50.000 đồng do hoàn cảnh kinh tế quá khó khăn. Ông Phạm Văn V xin trả dần mỗi tháng 50.000 đồng không được nguyên đơn bà Phạm Thị Đ đồng ý và không phù hợp với quy định của pháp luật nên không được chấp nhận. Tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị Đ vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Đ là có căn cứ, phù hợp với Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên buộc bị đơn ông Phạm Văn V phải trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị Đ số tiền 75.000.000 đồng**,** trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[2] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ông Phạm Văn V phải chịu 1.875.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, ông Phạm Văn V, sinh năm 1962 thuộc đối tượng là người cao tuổi (hiện nay trên 60 tuổi) và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử quyết định cho ông Phạm Văn V được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy

định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91 và Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 166 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Đ.

Buộc ông Phạm Văn V phải có nghĩa vụ trả bà Phạm Thị Đ số tiền 75.000.000 đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

- Ông Phạm Văn V được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi. (Từ đủ 60 tuổi trở lên)

- Hoàn lại cho bà Phạm Thị Đ số tiền 1.875.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0020027 ngày 11/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc

không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- CCTHADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Kim Thúy